BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH ĐÀO TẠO: QUY HOẠCH VÙNG VÀ ĐÔ THỊ

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TM94387: THỰC TẬP NGHỀ NGHIỆP NGÀNH QUY HOẠCH VÙNG VÀ ĐÔ THỊ
(PROFESSIONAL INTERNSHIP IN REGIONAL AND URBAN PLANNING)

I. Thông tin về học phần

- Học kì: 7
- Tín chỉ: **Tổng số tín chỉ 10 (Lý thuyết: 0 – Thực hành: 10)**
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập
  + Học lý thuyết trên lớp: 5 tiết
  + Thực tập/thực tế ngoài trường: 145 tiết
- Giờ tự học: 350 tiết
- Đơn vị phụ trách:
  - Bộ môn: Văn phòng khoa
  - Khoa: Tài nguyên và môi trường
- Học phần thuộc khối kiến thức:

Đại cương □		Cơ sở ngành □		Chuyên sâu ☒	
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc ☒	Tự chọn □

- Ngôn ngữ giảng dạy: tiếng Anh □ Tiếng Việt ☒

II. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và mục tiêu, kết quả học tập mong đợi của học phần

**** Các chuẩn đầu ra và chỉ báo của chương trình đào tạo mà học phần đóng góp:***

Chuẩn đầu ra Sau khi hoàn tất chương trình, sinh viên có thể:	**Chỉ báo chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**	**Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT**
Kiến thức chuyên môn		
CĐR3: Phân tích công tác Quy hoạch vùng và đô thị để phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế xã hội.	CB 3.1. Phân tích công tác lập quy hoạch và phát triển đô thị để phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế xã hội. CB 3.2. Phân tích công tác quản lý quy hoạch vùng và đô thị phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế xã hội.	M M
CĐR4: Đề xuất giải pháp quản lý, quy hoạch vùng và đô thị đáp ứng các yêu cầu về phát triển bền vững của Việt Nam và	CB 4.1. Đề xuất giải pháp quy hoạch vùng và đô thị đáp ứng các yêu cầu về phát triển bền	M

Chuẩn đầu ra Sau khi hoàn tất chương trình, sinh viên có thể:	Chỉ báo chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT
toàn cầu.	vững của Việt Nam và toàn cầu. CB 4.2. Đề xuất giải pháp quản lý quy hoạch vùng và đô thị đáp ứng các yêu cầu về phát triển bền vững của Việt Nam và toàn cầu.	M
Kỹ năng chuyên môn		
CĐR6: Sử dụng hiệu quả các kỹ năng phân tích, đánh giá, lập và trình bày đồ án quy hoạch vùng và đô thị;	CB 6.1. Sử dụng hiệu quả các kỹ năng phân tích, đánh giá, lập và trình bày đồ án quy hoạch vùng và đô thị; CB 6.2. Sử dụng hiệu quả các nghiệp vụ hành chính trong công tác quản lý, quy hoạch vùng và đô thị.	M M
Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
CĐR7: Thể hiện năng lực làm việc độc lập và làm việc nhóm hiệu quả; chủ động, sáng tạo, tuân thủ đạo đức nghề nghiệp; có khả năng hướng dẫn – giám sát kỹ thuật và đưa ra kết luận chuyên môn trong lĩnh vực Quy hoạch vùng và đô thị.	CB 7.1. Làm việc độc lập và phối hợp hiệu quả trong nhóm; thích ứng với môi trường làm việc thay đổi; thể hiện tác phong chuyên nghiệp và tuân thủ đạo đức nghề nghiệp.	M

Ghi chú:

I *– Giới thiệu (Introduction: (Làm thành công dưới sự hướng dẫn các yêu cầu của năng lực được nêu trong chuẩn đầu ra);*

P *– Thực hiện (Practice: Làm một mình thành công nhưng chưa thành thạo các yêu cầu của năng lực được nêu trong chuẩn đầu ra);*

R *– Củng cố (Reinforce: Làm một mìnhthành thạo các yêu cầu của năng lực được nêu trong chuẩn đầu ra nhưng chưa biết hướng dẫn cho người khác);*

M *– Đạt được (Master: thực hiện CĐR một cách độc lập và hướng dẫn người khác làm và đánh giá được họ có làm được các yêu cầu được đưa ra trong chuẩn đầu ra).*

**** Mục tiêu***:

- Về kiến thức: Học phần nhằm giúp cho sinh viên hiểu rõ quy trình lập, thẩm định và quản lý quy hoạch, vận dụng kiến thức lý thuyết đã học vào thực tiễn công tác quản lý, quy hoạch vùng và đô thị của địa phương. Sử dụng công cụ kỹ thuật phục vụ công tác quy hoạch. Phân tích và đề xuất định hướng không gian phù hợp với bối cảnh địa phương.

- Về kỹ năng: Rèn luyện các nghiệp vụ hành chính trong quản lý, quy hoạch vùng và đô thị; kỹ năng thu thập, xử lý và phân tích số liệu quy hoạch; khảo sát thực địa, đánh giá hiện trạng không gian đô thị – vùng; lập đồ án quy hoạch; vẽ bản đồ, sơ đồ quy hoạch bằng GIS và các phần mềm chuyên ngành.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Làm việc độc lập và phối hợp hiệu quả trong nhóm; thích ứng với môi trường làm việc thay đổi; thể hiện tác phong chuyên nghiệp và tuân thủ đạo đức nghề nghiệp.

**** Kết quả học tập mong đợi của học phần:***

Ký hiệu	**KQHTMĐ của học phần** *Hoàn thành học phần này, sinh viên thực hiện được*	**Chỉ báo chuẩn đầu ra của CTĐT**
Kiến thức		
K1	Phân tích công tác lập quy hoạch và phát triển đô thị ở một địa bàn cụ thể/địa phương.	CB 3.1. Phân tích công tác lập quy hoạch và phát triển đô thị để phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế xã hội.
K2	Phân tích công tác quản lý quy hoạch vùng, quản lý đô thị của địa phương.	CB 3.2. Phân tích công tác quản lý quy hoạch vùng và đô thị phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế xã hội.
K3	Đề xuất phương án quy hoạch vùng và đô thị của địa phương	CB 4.1. Đề xuất giải pháp quy hoạch vùng và đô thị đáp ứng các yêu cầu về phát triển bền vững của Việt Nam và toàn cầu.
K4	Đề xuất giải pháp quản lý quy hoạch vùng và đô thị địa phương	CB 4.2. Đề xuất giải pháp quản lý quy hoạch vùng và đô thị đáp ứng các yêu cầu về phát triển bền vững của Việt Nam và toàn cầu.
Kỹ năng		
K5	Sử dụng hiệu quả các kỹ năng thu thập, xử lý, phân tích, đánh giá, lập và trình bày đồ án quy hoạch vùng và đô thị ở một địa bàn cụ thể/địa phương.	CB 6.1. Sử dụng hiệu quả các kỹ năng phân tích, đánh giá, lập và trình bày đồ án quy hoạch vùng và đô thị;
K6	Sử dụng hiệu quả các nghiệp vụ hành chính trong công tác quản lý, quy hoạch vùng và đô thị địa phương	CB 6.2. Sử dụng hiệu quả các nghiệp vụ hành chính trong công tác quản lý, quy hoạch vùng và đô thị.
Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
K7	Làm việc độc lập và phối hợp hiệu quả trong nhóm; thích nghi nhanh với môi trường làm việc tại cơ sở; thể hiện tác phong chuyên nghiệp và tuân thủ đạo đức nghề nghiệp.	CB 7.1. Làm việc độc lập và phối hợp hiệu quả trong nhóm; thích ứng với môi trường làm việc thay đổi; thể hiện tác phong chuyên nghiệp và tuân thủ đạo đức nghề nghiệp.

III. Nội dung tóm tắt của học phần

TM94387- Thực tập nghề nghiệp ngành Quy hoạch vùng và đô thị (Professional Internship in Regional and Urban Planning). Tổng số tín chỉ: 10 (Tổng số tín chỉ lí thuyết: 0 – Tổng số tín chỉ thực hành: 10 – Tổng số giờ tự học: 350 tiết).

Mô tả vắn tắt nội dung: Sinh viên thực hiện một số nội dung quản lý, quy hoạch vùng và đô thị tại địa phương như: quản lý đô thị; quản lý quy hoạch; phân tích, đánh giá, lập đồ án quy hoạch vùng, quy hoạch đô thị, quy hoạch sử dụng đất và tổ chức không gian lãnh thổ, quy hoạch hạ tầng kỹ thuật đô thị…

IV. Phương pháp giảng dạy và học tập

1. Phương pháp giảng dạy

1) Giảng dạy thông qua hướng dẫn thực hành, phần mềm
2) Giảng dạy kết hợp với phương tiện đa truyền thông, trực tuyến
3) Hướng dẫn thực tập tại cơ sở.

2. Phương pháp học tập

1) Đọc, nghiên cứu tài liệu ở nhà trước khi đến cơ sở thực tập
2) Nghe giảng tại cơ sở thực tập, nghe giảng trực tuyến
3) Sử dụng phần mềm chuyên ngành tại cơ sở thực tập

V. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuẩn bị cho thực tập: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải đọc tài liệu, tham gia tập huấn trước khi đến cơ sở thực tập.
- Thực tập: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải tham dự đầy đủ các buổi thực tập tại cơ sở.
- Bài tập/Thực hành: Tất cả sinh viên phải hoàn thành các bài tập/thực hành tại cơ sở.
- Thi cuối kì: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải tham gia và làm bài thi cuối kỳ theo hình thức làm báo cáo thu hoạch và thuyết trình báo cáo.

VI. Đánh giá và cho điểm

1. Thang điểm: 10

2. Điểm trung bình của học phần là tổng điểm của các hoạt động đánh giá nhân với trọng số tương ứng

3. Phương pháp đánh giá

Bảng 1: Kế hoạch đánh giá và trọng số

Rubric đánh giá	KQHTMĐ được đánh giá	Trọng số (%)	Thời gian/Tuần học
Đánh giá chuyên cần: Tham dự thực tập tại cơ sở	K1-K7	***10***	Theo kế hoạch
Đánh giá thường xuyên: Đánh giá của cơ sở thực tập	K1-K7	***30***	Kết thúc đợt thực tập
Đánh giá cuối kỳ		***60***	Kết thúc đợt thực tập
Đánh giá thuyết trình	K7	30	Kết thúc đợt thực tập
Đánh giá báo cáo thu hoạch	K1-K4	70	Kết thúc đợt thực tập

Các rubric đánh giá

Rubric 1: Tham dự thực tập tại cơ sở (10%)

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 8.5 – 10 điểm	Khá 6.5 – 8.4 điểm	Trung bình 4.0 – 6.4 điểm	Kém 0 – 3.9 điểm
Tham gia các hoạt động chuyên môn.	50	Rất tích cực tham gia các hoạt động chuyên môn tại cơ sở	Tích cực tham gia các hoạt động chuyên môn tại cơ sở	Có tham gia các hoạt động chuyên môn tại cơ sở	Ít tham gia các hoạt động chuyên môn tại cơ sở
Chủ động tự học tập và nghiên cứu	50	Rất tích cực tự học tập, nghiên cứu	Tích cực tự học tập, nghiên cứu	Thỉnh thoảng tự học, nghiên cứu	Ít khi tự học, nghiên cứu

Rubric 2: Đánh giá cơ sở thực tập (30%)

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 8.5 – 10 điểm	Khá 6.5 – 8.4 điểm	Trung bình 4.0 – 6.4 điểm	Kém 0 – 3.9 điểm
Tinh thần, thái độ kỷ luật	30	Chấp hành tốt nội quy, quy chế	Chấp hành tương đối tốt nội quy, quy chế	Chấp hành nội quy, quy chế	Vi phạm nội quy, quy chế
Khả năng chuyên môn, nghiệp vụ	50	Chủ động, sáng tạo, hướng dẫn người khác thảo luận nhóm, thực hiện tốt nghiệp vụ chuyên môn	Chủ động, sáng tạo, tích cực thảo luận nhóm, thực hiện tốt nghiệp vụ chuyên môn	Tham gia thảo luận nhóm, thực hiện tốt các nghiệp vụ chuyên môn	Không thực hiện đầy đủ các nghiệp vụ chuyên môn
Kết quả công việc	20	Hoàn thành tốt công việc được giao	Hoàn thành mức độ khá công việc được giao	Hoàn thành công việc được giao	Không hoàn thành công việc được giao.

Đánh giá cuối kỳ (60%)

Rubric 3: Đánh giá thuyết trình (30%)

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 8.5 – 10 điểm	Khá 6.5 – 8.4 điểm	Trung bình 4.0 – 6.4 điểm	Kém 0 – 3.9 điểm
Kỹ năng trình bày	50	Dẫn dắt vấn đề và lập luận lôi cuốn, thuyết phục, đúng thời gian quy định	Trình bày rõ ràng nhưng chưa lôi cuốn, lập luận khá thuyết phục, đúng thời gian quy định	Khó theo dõi nhưng vẫn có thể hiểu được các nội dung quan trọng, đúng thời gian quy định	Trình bày không rõ ràng, người nghe không thể hiểu được các nội dung quan trọng, quá thời gian quy định
Trả lời câu hỏi	50	Các câu hỏi đều được trả lời đầy đủ, rõ ràng, và thỏa đáng	Trả lời đúng đa số câu hỏi và nêu được định hướng phù hợp đối với những câu hỏi chưa trả lời được	Trả lời đúng đa số câu hỏi nhưng chưa nêu được định hướng phù hợp đối với những câu hỏi chưa trả lời được	Không trả lời được đa số câu hỏi

Rubric 4: Đánh giá báo cáo thu hoạch (70%)

Tiêu chí		Trọng số %	Tốt 8.5 – 10 điểm	Khá 6.5 – 8.4 điểm	Trung bình 4.0 – 6.4 điểm	Kém 0 – 3.9 điểm
Nội dung	Đặt vấn đề	10	Phân tích rõ ràng tầm quan trọng của vấn đề	Phân tích khá rõ ràng tầm quan trọng của vấn đề	Phân tích tương đối rõ ràng tầm quan trọng của vấn đề	Phân tích chưa rõ ràng tầm quan trọng của vấn đề
	Phương pháp nghiên cứu	20	Trình bày phương pháp rõ ràng, đầy đủ	Trình bày phương pháp đầy đủ	Trình bày phương pháp tương đối đầy đủ	Trình bày thiếu phương pháp chính
	Kết quả nghiên cứu	50	Trình bày rõ ràng, sản phẩm đầy đủ theo đề cương.	Trình bày rõ ràng, sản phẩm khá đầy đủ theo đề cương.	Sản phẩm không đầy đủ theo đề cương	Không có sản phẩm thực tập.
	Kết luận	10	Phù hợp và đầy đủ	Khá phù hợp và đầy đủ	Tương đối phù hợp và đầy đủ	Không phù hợp và đầy đủ
Hình thức trình bày (font chữ, căn lề, fomat, lỗi chính tả…)		10	Theo đúng quy định, không có lỗi chính tả	Vài sai sót nhỏ về hình thức	Nhiều sai sót về hình thức	Cẩu thả, nhiều lỗi, không đúng quy định

4. Các yêu cầu, quy định đối với học phần

- Tham dự thực tập: Không tham dự thực tập hoặc nghỉ quá thời gian quy định sẽ không được dự thi cuối kỳ.
- Yêu cầu về đạo đức: Có thái độ học tập nghiêm túc, đúng mực, tuân thủ quy định của Học viện, Khoa và Cơ sở thực tập

VII. Giáo trình/ tài liệu tham khảo

*** Sách giáo trình/Bài giảng:**

1. Đỗ Văn Nhạ, Quyền Thị Lan Phương, Nguyễn Quang Học. (2021). Quy hoạch cảnh quan. Nhà xuất bản Học viện Nông nghiệp Việt Nam.
2. Hàn Tất Ngạn (2025). Kiến trúc cảnh quan. Nhà xuất bản xây dựng Hà Nội.
3. Nguyễn Thế Bá, Lê Trọng Bình, Trần Trọng Hanh, Nguyễn Tố Lăng (2022). Quy hoạch xây dựng phát triển đô thị. Nhà xuất bản xây dựng
4. Phạm Hùng Cường, Trần Quý Dương, Hồ Ngọc Hùng, Trần Xuân Hiếu, Nguyễn Mạnh Trí & Nguyễn Văn Tuyên (2019). Cơ sở quy hoạch và kiến trúc. Nhà xuất bản xây dựng Hà Nội.
5. Trần Trọng Hanh (2015). Quy hoạch vùng, Nhà xuất bản Xây dựng Hà Nội

*** Tài liệu tham khảo khác:**

6. Đào Phú Quốc (2024). Nông nghiệp đô thị - Lý thuyết và thực hành cho người mới bắt đầu. NXB Đại học Quốc gia TP.HCM.
7. Võ Kim Cương (2023). Chính sách đô thị : Tầm nhìn bao quát và hệ thống của nhà quản lý đô thị. Nhà xuất bản xây dựng Hà Nội.

VIII. Nội dung chi tiết của học phần

Tuần	Nội dung	Phương pháp giảng dạy	Phương pháp đánh giá	KQHTMĐ của học phần
1	***Nội dung 1:*** **Chuẩn bị nội dung thực tập**			
	Nội dung giảng dạy lý thuyết: *(5 tiết)* Tập huấn nội dung thực tập nghề nghiệp, quy định thực tập tại cơ sở	- Thuyết trình - Giải quyết tình huống - Trao đổi, giải đáp		K1-K4
	Nội dung tự học: *(15 tiết)* Nghiên cứu tài liệu liên quan đến nội dung thực tập tại cơ sở	Tự nghiên cứu/tra cứu tài liệu		
1-10	***Nội dung 2:*** **Thực hiện các nội dung thực tập nghề nghiệp**			
	Nội dung thực tập nghề nghiệp tại cơ sở *(145 tiết)* Thực hiện các nội dung thực tập nghề nghiệp theo đề cương thực tập nghề nghiệp tại địa phương, doanh nghiệp.	Thực hành theo nhóm	- Đánh giá chuyên cần - Đánh giá của cơ sở thực tập - Đánh giá báo cáo thu hoạch - Đánh giá thuyết trình	K1-K7
	Nội dung tự học *(335 tiết)* Tổng hợp tài liệu, xử lý số liệu, viết báo cáo	Tự nghiên cứu/ tra cứu tài liệu		

IX. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Cơ sở thực tập: Có phòng làm việc cho sinh viên tại cơ sở thực tập, phòng họp, làm việc nhóm
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Phần mềm MSTeam giảng dạy trực tuyến, máy tính, máy chiếu, phấn, bảng, bút chỉ, loa, micro.
- Hệ thống LMS

Hà Nội, ngày 15 tháng 12 năm 2025

KT. GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC	KT. TRƯỞNG KHOA PHÓ TRƯỞNG KHOA	GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN
GS.TS. Phạm Văn Cường	PGS.TS. Trần Quốc Vinh	PGS.TS. Trần Trọng Phương

PHỤ LỤC
THÔNG TIN VỀ ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN GIẢNG DẠY HỌC PHẦN

Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Trần Quốc Vinh	Học hàm, học vị: PGS.TS
Địa chỉ cơ quan: Trâu Quỳ - Gia Lâm - Hà Nội	Điện thoại liên hệ: 0906869368
Email: tqvinh@vnua.edu.vn	Trang web: https://tnmt.vnua.edu.vn/bo-mon/he-thong-thong-tin-dat-dai
Cách liên lạc với giảng viên:	Email, điện thoại, gặp trực tiếp

Họ và tên: Đỗ Văn Nhạ	Học hàm, học vị: PGS. Tiến sĩ
Địa chỉ cơ quan: Trâu Quỳ - Gia Lâm - Hà Nội	Điện thoại liên hệ: 0353383368
Email: dovannha@vnua.edu.vn	Trang web: https://tnmt.vnua.edu.vn/bo-mon/quy-hoach-dat-dai
Cách liên lạc với giảng viên	Email, điện thoại, gặp trực tiếp

Họ và tên: Nguyễn Văn Quân	Học hàm, học vị: Tiến sĩ
Địa chỉ cơ quan: Trâu Quỳ - Gia Lâm - Hà Nội	Điện thoại liên hệ: 0912815496
Email: nvquan@vnua.edu.vn	Trang web: https://tnmt.vnua.edu.vn/bo-mon/quan-ly-dat-dai
Cách liên lạc với giảng viên	Email, điện thoại, gặp trực tiếp

Họ và tên: Trần Trọng Phương	Học hàm, học vị: PGS.TS
Địa chỉ cơ quan: Trâu Quỳ - Gia Lâm - Hà Nội	Điện thoại liên hệ: 0989885868
Email: ttphuong@vnua.edu.vn	Trang web: https://tnmt.vnua.edu.vn/bo-mon/trac-dia
Cách liên lạc với giảng viên	Email, điện thoại, gặp trực tiếp

CÁC LẦN CẢI TIẾN
(đề cương được cải tiến hàng năm theo qui định của Học Viện):

Lần 1- (Tháng 12/2025): Xây dựng mới chương trình đào tạo. Viết mới đề cương học phần.